

Số: /QĐ-UBND

Cẩm Mỹ, ngày tháng năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc công bố công khai số liệu dự toán**  
**ngân sách nhà nước quý III năm 2024 của huyện Cẩm Mỹ**

**ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM MỸ**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách Nhà nước đối với các cấp ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 21/12/2023 của HĐND huyện Cẩm Mỹ về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước - chi ngân sách địa phương, phân bổ chi ngân sách huyện và mức bổ sung ngân sách cấp dưới của huyện Cẩm Mỹ năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 05/7/2024 của HĐND huyện Cẩm Mỹ về việc điều chỉnh, bổ sung dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2024 (đợt 1) trên địa bàn huyện Cẩm Mỹ;

Căn cứ Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 13/9/2024 của HĐND huyện Cẩm Mỹ về việc điều chỉnh, bổ sung dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2024 (đợt 2) trên địa bàn huyện Cẩm Mỹ;

Căn cứ Quyết định số 1095/QĐ-UBND ngày 22/12/2023 của UBND huyện Cẩm Mỹ về giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2024 trên địa bàn huyện Cẩm Mỹ;

Căn cứ Quyết định số 512/QĐ-UBND ngày 11/7/2024 của UBND huyện Cẩm Mỹ về việc điều chỉnh, bổ sung dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2024 (đợt 1) trên địa bàn huyện Cẩm Mỹ;

*Căn cứ Quyết định số 1014/QĐ-UBND ngày 20/9/2024 của UBND huyện Cẩm Mỹ về việc điều chỉnh, bổ sung dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2024 (đợt 2) trên địa bàn huyện Cẩm Mỹ;*

*Theo đề nghị của Trưởng phòng Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Cẩm Mỹ tại Tờ trình số 03/TTr-TCKH ngày 06/01/2025 về việc công khai dự toán ngân sách quý III năm 2025.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách nhà nước quý III năm 2024 của huyện Cẩm Mỹ.

*(Đính kèm theo phụ biểu)*

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện, Trưởng phòng Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện, Giám đốc Kho bạc Nhà nước; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, Phòng, Ban, Ngành, Đoàn thể huyện; UBND các xã, thị trấn tổ chức thực hiện quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- TT. Huyện ủy (bc);
- Chủ tịch, PCT.UBH;
- Phòng TC-KH;
- Chánh, phó VP.UBH;
- Trang thông tin điện tử huyện;
- Lưu: VT, PPLT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Huỳnh Tấn Thìn**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN CẨM MỸ**

**CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN QUÝ III NĂM 2024**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /1/2025 của UBND huyện)

Đơn vị:  
Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm	Thực hiện 9 tháng	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
<b>A</b>	<b>TỔNG NGUỒN THU NGÂN SÁCH TRÊN ĐỊA BÀN</b>	<b>174.500</b>	<b>153.316</b>	<b>87,86</b>	<b>163,21</b>
<b>I</b>	<b>Thu cân đối NSNN</b>	<b>174.500</b>	<b>153.316</b>	<b>87,86</b>	<b>163,21</b>
1	Thu nội địa	174.500	153.316	87,86	163,21
2	Thu viện trợ			-	-
<b>II</b>	<b>Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang</b>			-	-
<b>B</b>	<b>TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN</b>	<b>1.024.524</b>	<b>727.608</b>	<b>71,02</b>	<b>191,24</b>
<b>I</b>	<b>Tổng chi cân đối ngân sách huyện</b>	<b>1.024.524</b>	<b>727.608</b>	<b>71,02</b>	<b>191,24</b>
	<i>Trong đó</i>				
1	Chi đầu tư phát triển	285.224	242.977	85,19	204,25
2	Chi thường xuyên	697.928	484.631	69,44	185,33
3	Dự phòng ngân sách	20.500		0,00	-
<b>II</b>	<b>Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NS cấp tỉnh</b>		<b>0</b>	-	-

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN CẨM MỸ****THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ III NĂM 2024**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /1/2025 của UBND huyện)

Đơn vị: Triệu  
đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm	Thực hiện Quý 3	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán	Cùng kỳ
A	B	1	2	3=2/1	4
<b>A</b>	<b>TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN</b>	<b>174.500</b>	<b>153.316</b>	<b>87,86</b>	<b>109,70</b>
<b>I</b>	<b>Thu nội địa</b>	<b>174.500</b>	<b>153.316</b>	<b>87,86</b>	<b>109,70</b>
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước			-	-
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài			-	-
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	35.000	32.549	93,00	96,71
4	Thuế thu nhập cá nhân	45.000	32.256	71,68	95,12
5	Thuế bảo vệ môi trường			-	-
6	Lệ phí trước bạ	32.000	19.788	61,84	87,28
7	Thu phí, lệ phí	4.500	3.656	81,24	122,21
8	Các khoản thu về nhà, đất	51.000	56.796	111,36	146,51
-	<i>Thuế sử dụng đất nông nghiệp</i>			-	-
-	<i>Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp</i>	<i>1.000</i>	<i>1.503</i>	<i>150,30</i>	<i>98,46</i>
-	<i>Thu tiền sử dụng đất</i>	<i>50.000</i>	<i>54.824</i>	<i>109,65</i>	<i>147,40</i>
-	<i>Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước</i>		<i>469</i>	-	<i>1.042,22</i>
-	<i>Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước</i>			-	-
9	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản			-	-
10	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác			-	-
11	Thu ngân sách khác	7.000	8.271	118,16	106,55
<b>II</b>	<b>Thu viện trợ</b>			-	-

<b>B</b>	<b>THU NGÂN SÁCH HUYỆN ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP</b>	<b>78.865</b>	<b>58.136</b>	<b>73,72</b>	<b>94,10</b>
1	Các khoản thu ngân sách huyện được hưởng 100%	38.930	25.901	66,53	89,40
2	Từ các khoản thu phân chia	39.935	32.235	80,72	98,24

**ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**HUYỆN CẨM MỸ**

**THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH HUYỆN QUÝ III NĂM 2024**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /1/2025 của UBND huyện)

Đơn vị:  
Triệu  
đồng.

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm	Thực hiện Quý 3	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán	Cùng kỳ
A	B	1	2	3=2/1	4
	<b>TỔNG CHI NSNN HUYỆN</b>	<b>1.024.524</b>	<b>727.608</b>	<b>71,02</b>	<b>118,54</b>
A	<b>CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN</b>	<b>1.024.524</b>	<b>727.608</b>	<b>71,02</b>	<b>118,54</b>
<b>I</b>	<b>Chi đầu tư phát triển</b>	<b>285.224</b>	<b>242.977</b>	<b>85,19</b>	<b>122,55</b>
1	Chi đầu tư cho các dự án	285.224	236.977	83,08	123,25
2	Chi đầu tư phát triển khác		6.000	-	100,00
<b>II</b>	<b>Chi thường xuyên</b>	<b>697.928</b>	<b>484.631</b>	<b>69,44</b>	<b>116,62</b>
	<i>Trong đó</i>				
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	378.255	287.525	76,01	124,62
2	Chi khoa học và công nghệ			-	-
3	Chi y tế, dân số và gia đình	4.400			-
4	Chi Văn hoá thông tin	5.965	4.565	76,53	127,81
5	Chi phát thanh, truyền hình	387	170	43,93	97,75
6	Chi thể dục thể thao	2.435	1.620	66,54	155,43
7	Chi bảo vệ môi trường	21.050	4.048	19,23	37,11
8	Chi hoạt động kinh tế	62.669	17.948	28,64	127,59
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý hành chính, đảng, đoàn thể	141.790	100.563	70,92	113,69
10	Chi bảo đảm xã hội	40.022	37.048	92,57	106,25
11	Chi khác	589	248	42,12	-
<b>III</b>	<b>Dự phòng ngân sách</b>	<b>20.500</b>			-
<b>B</b>	<b>CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN</b>			-	-
1	Chương trình mục tiêu quốc gia			-	-
2	Cho các chương trình dự án quan trọng vốn đầu tư			-	-
3	Cho các nhiệm vụ, chính sách kinh phí thường xuyên			-	-

